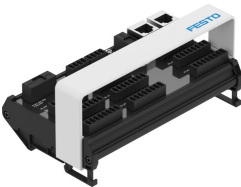


Mô-đun đầu vào/đầu ra kỹ thuật số CPX-AP-L-16NDI8NDO-PI

Số bộ phận: 8176415

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước B x L x H	90mm x 152mm x 70mm
Kiểu gắn	với ray DIN
trọng lượng sản phẩm	200 g
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-40 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	5 - 95 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP20
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
mức độ ô nhiễm	2
Danh mục quá áp	II
Chiều dài dây dẫn tối đa	Đầu ra 30 m Đầu vào 30 m Hệ thống liên lạc 50 m
Lưu ý về chiều dài cáp tối đa	Nguồn cấp điện theo điện áp danh định
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Loại phòng sạch	Phần tử được cài đặt tĩnh, không thể đánh giá phù hợp theo ISO 14644-1
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	Dấu RCM
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa halogen
Vật liệu vỏ	PA66 PVC
Chẩn đoán theo đèn LED	Chẩn đoán trên mỗi mô-đun Nguồn cấp điện tải Trạng thái trên mỗi kênh

Đặc tính	Giá trị
Chẩn đoán thông qua liên lạc nội bộ	Ngắt tải Ngắn mạch/quá tải tín hiệu đầu ra Ngắn mạch/quá tải nguồn cung cấp cảm biến Quá áp điện tử/cảm biến Quá áp tải Điện áp thấp cảm biến/điện tử Điện áp thấp tải
Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	2 byte
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	1 byte
Số lượng đầu ra	8
Giao diện giao tiếp, chức năng	Giao tiếp hệ thống XF10 IN / XF20 OUT
Giao diện giao tiếp, kiểu kết nối	2x ổ cắm
Giao diện giao tiếp, công nghệ kết nối	RJ45
Giao diện truyền thông, giao thức	AP
Giao diện giao tiếp, lớp bảo vệ	có
Bộ nguồn, chức năng	Điện tử/cảm biến và tải đến
Nguồn điện, kiểu kết nối	Phích cắm
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	Thiết bị Đẩy-Kéo theo IEC 61984
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Dây dẫn điện áp, chức năng	Điện tử/cảm biến và tải đi
Truyền điện áp, kiểu kết nối	Ổ cắm
Dây dẫn điện áp, công nghệ kết nối	Thiết bị Đẩy-Kéo theo IEC 61984
Truyền điện áp, số cực / dây	4
Chỉ dẫn về điện áp vận hành	Nguồn điện SELV/PELV cần thiết Lưu ý sự sụt giảm điện áp
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Điện áp hoạt động danh định DC của tải	24 V
Phụ tải dao động điện áp cho phép	± 25 %
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Nguồn cung cấp tối đa	2 x 4 A (cầu chì bên ngoài cần thiết)
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 32 mA
Công suất tiêu thụ bên trong ở tải điện áp hoạt động danh định	thường là 11 mA
Bắc cầu sự cố điện	10 ms
Chống phân cực	có
Cổng nối điện đầu vào, chức năng	Đầu vào kỹ thuật số
Cổng nối điện đầu ra, kiểu kết nối	Ổ cắm 2x Ổ cắm
Số lượng đầu vào	16
Đường đặc trưng đầu vào	theo IEC 61131-2, loại 3
Mức chuyển đổi	Tín hiệu 0: (PS – 5 V) tới PS Tín hiệu 1: 0 V đến (PS – 11 V)
chuyển đổi đầu vào logic	NPN (chuyển mạch âm) Cảm biến 2 dây theo IEC 61131-2 Cảm biến 3 dây theo IEC 61131-2
Thời gian gỡ lỗi đầu vào	0,1 ms 3 ms (Tiêu chuẩn) 10 ms 20 ms
Đầu vào bảo vệ (ngắn mạch)	Cầu chì dây mảnh
Tổng dòng tối đa đầu vào mỗi mô đun	4 A
Ngắt điện thế đầu vào kênh - kênh	không
Ngắt điện thế đầu vào kênh - giao tiếp nội bộ	không
Cổng nối điện đầu ra, chức năng	Đầu ra kỹ thuật số
Cổng nối điện đầu ra, công nghệ kết nối	Thiết bị Đẩy-Kéo theo IEC 61984
Cổng nối điện đầu ra, số chân cắm/dây	8

Đặc tính	Giá trị
Đặc tính các đầu ra	theo IEC 61131-2, loại 0,5
Logic chuyển mạch đầu ra	NPN (chuyển mạch âm)
Độ trễ đầu ra với tải điện trở	Thay đổi tín hiệu 0-> 1: < 200 μ s Thay đổi tín hiệu 1->0: < 200 μ s
Tổng đầu ra hiện tại tối đa trên mỗi mô-đun	4 A
Kênh đầu ra cách ly điện - kênh	không
Kênh đầu ra cách ly điện - giao tiếp nội bộ	có
Nguồn cấp điện tối đa cho mỗi kênh	0,5 A